

IDENTIFYING THE STRUCTURE OF THREE - WORD VIETNAMESE IDIOMS

Hoang Thi Thanh Binh

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: hoangthanhbinh@dvttdt.edu.vn

Received: 10/03/2026

Reviewed: 12/03/2026

Revised: 17/03/2026

Accepted: 08/04/2026

Released: 15/04/2026

This paper examined three-word Vietnamese idioms from the perspective of formal structure to identify their organizational features and the mechanisms of meaning formation. The results showed that, despite their short length, three-word idioms are organized according to specific rules, with each component not only serving a structural role but also directly contributing to representation, reflecting Vietnamese thought, culture, and community life experiences. The meaning of these idioms cannot be reduced to a simple additive combination of their elements; rather, it is constructed through the interaction between linguistic form and cultural depth. This study helped clarify the structural characteristics of Vietnamese idioms within a systematic analytical approach.

Keywords: Vietnamese idioms; Three-word idioms; Idiom structural model.

1. Giới thiệu

Trong tiếng Việt có một loại đơn vị có sẵn tương đương với từ đó là thành ngữ. Thành ngữ là những tổ hợp có sẵn, ổn định về cấu trúc và tương đối hoàn chỉnh về ý nghĩa. Với đặc trưng tính cố định, tính hình tượng và tính biểu trưng, thành ngữ không chỉ là hiện tượng ngôn ngữ mà còn phản ánh những tri thức kinh nghiệm và đặc điểm tư duy – văn hóa của người Việt.

Thành ngữ tiếng Việt đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu, tuy nhiên, việc nhận diện và phân biệt với các đơn vị lân cận như cụm từ cố định và tục ngữ vẫn chưa hoàn toàn thống nhất. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào bình diện ngữ nghĩa hoặc giá trị văn hóa, trong khi bình diện cấu tạo hình thức, đặc biệt là xét theo số lượng tiếng (âm tiết) còn chưa được quan tâm một cách tương xứng.

Ở bình diện cấu tạo hình thức, số lượng tiếng là một tiêu chí có khả năng nhận diện và phân loại thành ngữ tương đối rõ nét. Với đặc điểm loại hình đơn lập của tiếng Việt, mỗi tiếng thường tương ứng với một hình vị, do đó số lượng tiếng không chỉ phản ánh độ dài hình thức mà còn liên quan trực tiếp đến cách thức tổ chức các thành tố trong nội bộ thành ngữ. Trên cơ sở này, thành ngữ tiếng Việt có thể được phân chia thành: thành ngữ 3 tiếng, thành ngữ 4 tiếng và thành ngữ từ 5 - 6 tiếng trở lên, qua đó cho thấy sự đa dạng trong mô hình tổ chức và khả năng biểu đạt của loại đơn vị này.

Từ cách nhận diện trên, bài viết tiếp cận thành ngữ tiếng Việt ở bình diện cấu tạo, với tiêu chí phân loại theo số lượng tiếng, tập trung vào nhóm thành ngữ 3 tiếng nhằm mô tả đặc

điểm cấu tạo và bước đầu nhận diện những nét nghĩa cơ bản của nhóm đơn vị này. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ hơn phương diện hình thức của thành ngữ trong tiếng Việt.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Trong nghiên cứu ngôn ngữ học, thành ngữ đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm tiếp cận từ các góc độ khác nhau, trong đó nổi bật là các định nghĩa nhấn mạnh tính cố định và tính không suy ra trực tiếp về nghĩa từ các thành tố cấu tạo.

Trong các công trình nghiên cứu nước ngoài, theo Từ điển Oxford, thành ngữ được hiểu là “Tập hợp từ cố định hoặc câu đã quen dùng mà nghĩa thường không thể giải thích được một cách đơn giản bằng nghĩa của các từ tạo trong nó” [4]. Tiếp đó, Christine Ammer (1997) cho rằng “Thành ngữ là một cụm từ cố định gồm hai hay nhiều từ có nghĩa khác với nghĩa đen của các từ riêng lẻ” [1]. Longman Idioms Dictionary (1998) cũng đưa ra quan niệm tương tự khi xác định “Thành ngữ là một chuỗi các từ tạo thành nhóm từ có nghĩa khác với nghĩa của nó nếu người ta hiểu được nghĩa của các từ riêng lẻ” [2, tr. 870]. Nhấn mạnh hơn đến phương diện tiếp nhận, Alice Maclin (2001) cho rằng “Thành ngữ là một cụm từ được dùng với nghĩa đặc biệt mà người nói không thể hiểu được nếu chỉ biết nghĩa từ vựng hay nghĩa ngữ pháp của các đơn vị từ ghi trong từ điển” [3, tr. 167]. Nhìn chung, các quan niệm này đều thống nhất ở đặc điểm cơ bản của thành ngữ là tính cố định về hình thức và tính không suy ra trực tiếp về nghĩa từ các thành tố cấu tạo.

Ở Việt Nam, vấn đề thành ngữ cũng được đề cập trong nhiều công trình từ sớm. Từ điển Anh - Việt của Viện Ngôn ngữ (1993) cho rằng “Thành ngữ là cụm từ hoặc câu có nghĩa không rõ nếu cộng nghĩa của các từ riêng biệt và phải được hiểu như một đơn vị hoàn chỉnh” [11, tr. 809]. Tiếp đó, trong *Cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt*, Mai Ngọc Chừ nhấn mạnh “Thành ngữ là cụm từ cố định, hoàn chỉnh về cấu trúc và ý nghĩa. Nghĩa của chúng có tính hình tượng hoặc/và gợi cảm” [7, tr. 157]. Ngoài ra, *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên cũng định nghĩa thành ngữ là “Một tập hợp từ cố định đã quen dùng mà nghĩa thường không thể giải thích đơn giản bằng nghĩa của các từ cấu tạo nên nó” [6, tr. 882]. Trong khi, Đặng Hồng Chương cho rằng “Thành ngữ là tổ hợp những từ giàu hình ảnh, hình tượng, có khả năng biểu cảm và gợi cảm rất cao. Nghĩa của nó không thể giải thích một cách đơn giản bằng nghĩa của các từ tạo nên nó mà thường mang nghĩa bóng, mang tính ám chỉ” [9, tr. 5]. Theo Nguyễn Lân “Thành ngữ là đơn vị được sử dụng rộng rãi trong lời ăn tiếng nói cũng như sáng tác thơ ca văn học tiếng Việt. Thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao” [9].

Bên cạnh các nghiên cứu về bản chất và đặc trưng ngữ nghĩa, một số công trình đã bước đầu quan tâm đến phương diện cấu trúc của thành ngữ. Chẳng hạn, GS.TS. Đỗ Thị Kim Liên trong bài viết “*Nhận diện thành ngữ, tục ngữ trong hành chức*” cho thấy thành ngữ tiếng Việt được tổ chức theo những quy tắc cấu trúc nhất định như đối – điệp và so sánh, phản ánh quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố cấu tạo [12]. Ngoài ra, việc phân loại thành ngữ theo số lượng thành tố cũng đã được đề cập, trong đó có nhóm thành ngữ 3 tiếng với các kiểu kết hợp như từ đơn - từ ghép hoặc tổ hợp ba từ đơn mang cấu trúc tương tự cụm từ trong *Loigiaihay.com*. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu dừng lại ở mức độ mô tả khái quát hoặc xem thành ngữ 3 tiếng như một tiểu loại trong hệ thống chung, chưa đi sâu phân tích một cách hệ thống đặc điểm cấu trúc và cơ chế tạo nghĩa của riêng nhóm này. [13]

Từ việc tổng hợp và đối chiếu các quan niệm trên, có thể nhận thấy rằng, mặc dù các học giả đã đạt được sự thống nhất tương đối ở những đặc trưng cốt lõi của thành ngữ như tính cố định, tính hoàn chỉnh về ý nghĩa và tính hình tượng, song các nghiên cứu hiện có vẫn bộc

lộ một số hạn chế. Cụ thể, (i) còn thiếu những tiêu chí hình thức rõ ràng để phân loại; và (ii) chưa chú ý đúng mức đến việc khảo sát thành ngữ từ góc độ cấu trúc định lượng (số lượng tiếng), đặc biệt là đối với nhóm thành ngữ 3 tiếng.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được triển khai trên cơ sở kết hợp giữa cách tiếp cận cấu trúc và cách tiếp cận ngữ nghĩa trong ngôn ngữ học. Nguồn tư liệu nghiên cứu được khảo sát từ “Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam” [7]. Trên cơ sở khảo sát toàn bộ nguồn tư liệu, chúng tôi tiến hành thống kê và xác định được 93 thành ngữ có kết cấu 3 tiếng.

Bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp sau:

Phương pháp thống kê – phân loại: Được sử dụng để thu thập, xử lý và phân nhóm các thành ngữ theo tiêu chí cấu tạo (số lượng tiếng, kiểu tổ chức thành tố), qua đó xác định các mô hình cấu trúc chủ yếu của thành ngữ 3 tiếng.

Phương pháp phân tích – miêu tả: Nhằm làm rõ đặc điểm cấu trúc và ngữ nghĩa của từng nhóm thành ngữ, đồng thời chỉ ra các đặc trưng nổi bật về tính cố định, tính hình tượng và khả năng biểu đạt.

Phương pháp đối chiếu: Được vận dụng để so sánh giữa các nhóm thành ngữ trong cùng hệ thống, qua đó nhận diện sự khác biệt và tương đồng về cấu trúc cũng như ngữ nghĩa.

Phương pháp quy nạp: Từ việc phân tích các trường hợp cụ thể, rút ra những nhận xét mang tính khái quát về đặc điểm của thành ngữ 3 tiếng trong tiếng Việt.

Quy trình nghiên cứu được tiến hành qua các bước: (i) thu thập và xác lập ngữ liệu; (ii) thống kê, phân loại theo tiêu chí cấu trúc; (iii) phân tích đặc điểm ngữ nghĩa tương ứng với từng mô hình; và (iv) tổng hợp, khái quát hóa kết quả nghiên cứu. Cách thức triển khai này cho phép đảm bảo tính hệ thống, khách quan và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái niệm về “tiếng” trong tiếng Việt

Trong ngôn ngữ, có một loại đơn vị có tổ chức tối giản được dùng làm thành tố để trực tiếp hay gián tiếp tạo nên các cấp độ đơn vị khác còn lại, đơn vị đó thường được gọi là hình vị.

Hình vị được định nghĩa là đơn vị nhỏ nhất, đơn giản nhất về mặt tổ chức mà lại có giá trị về mặt ngữ pháp [5, tr.11]. Hình vị theo cách nói truyền thống của người Việt thường dùng từ “tiếng” hoặc “tiếng một” và còn được gọi là âm tiết.

Tiếp thu quan điểm của các học giả về đơn vị cấu tạo từ trong tiếng Việt, tác giả bài viết sử dụng cách gọi tên đơn vị cấu tạo từ là “tiếng” để thực hiện nội dung nghiên cứu trong bài.

Trong phạm vi nghiên cứu về phương diện cấu tạo hình thức, tác giả tiến hành phân chia thành ngữ tiếng Việt thành ba nhóm cấu trúc cơ bản: thành ngữ 3 tiếng, thành ngữ 4 tiếng và thành ngữ từ 5 đến 6 tiếng trở lên. Bài viết tập trung khảo sát thành ngữ 3 tiếng tuy không chiếm ưu thế về số lượng nhưng lại thể hiện rõ tính cô đọng và khả năng biểu đạt hàm súc.

4.2. Các mô hình thành ngữ tiếng Việt có kết cấu 3 tiếng

4.2.1. Mô hình so sánh có từ “như”

Qua khảo sát ngữ liệu 93 thành ngữ có kết cấu 3 tiếng, mô hình so sánh có từ “như” chiếm 47/93 đơn vị, cụ thể:

Bảng 4.2.1. Thành ngữ mô hình so sánh có từ “như”

TT	Mô hình so sánh có từ “như”				
1	Ác như hùm	17	Chậm như rùa	33	Khín như bưng

2	<i>Ấn như mèo</i>	18	<i>Trắng như tuyết</i>	34	<i>Lành như đất</i>
3	<i>Ấn như thui</i>	19	<i>Khinh như mé</i>	35	<i>Lặng như tờ</i>
4	<i>Dữ như cọp</i>	20	<i>Bạc như vôi</i>	36	<i>Lăn như chạch</i>
5	<i>Đau như cắt</i>	21	<i>Đẹp như tiên</i>	37	<i>Lười như hủi</i>
6	<i>Đau như dãn</i>	22	<i>Xấu như ma</i>	38	<i>Nhanh như cắt</i>
7	<i>Đau như hoạn</i>	23	<i>Giống như tạc</i>	39	<i>Nhát như cày</i>
8	<i>Đen như mực</i>	24	<i>Câm như hén</i>	40	<i>Óng như ngà</i>
9	<i>Đen như than</i>	25	<i>Đẻo như kẹo</i>	41	<i>Sắc như dao</i>
10	<i>Êm như nhung</i>	26	<i>Dốt như bò</i>	42	<i>Sắc như nước</i>
11	<i>Êm như ru</i>	27	<i>Hiền như bụt</i>	43	<i>Sương như tiên</i>
12	<i>Lạnh như tiên</i>	28	<i>Hôi như cú</i>	44	<i>Tán như sáo</i>
13	<i>Rẻ như bèo</i>	29	<i>Hồn như gấu</i>	45	<i>Thật như đếm</i>
14	<i>Khỏe như voi</i>	30	<i>Im như phỗng</i>	46	<i>Trần như nhộng</i>
15	<i>Đỏ như gác</i>	31	<i>Khỏe như vâm</i>	47	<i>Như com bữa</i>
16	<i>Nặng như chì</i>	32	<i>Khô như ngói</i>		

So sánh là một trong những thủ pháp tu từ quan trọng của văn học nghệ thuật, xuất hiện phổ biến trong thơ ca truyền thống và được vận dụng rộng rãi trong thành ngữ tiếng Việt. Theo tác giả cuốn *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, so sánh tu từ được hiểu là “dùng thuộc tính hay tình trạng của sự vật, hiện tượng này giải thích cho thuộc tính hay tình trạng của sự vật khác” [8].

Do đó, mô hình thành ngữ 3 tiếng sử dụng cấu trúc so sánh thường có hai yếu tố chính là: hai vế so sánh và từ so sánh “như”. Dạng chung nhất của mô hình này có cấu trúc như sau:

A x B

A: Cái chưa biết được đem ra so sánh

B: Cái đã biết đem ra để so sánh

x: Phương tiện so sánh được biểu hiện bằng từ “như”

Về mặt cấu trúc, vế A trong mô hình này thường do động từ hoặc tính từ đảm nhiệm, trong khi danh từ hầu như không xuất hiện. Hiện tượng này có thể được lý giải từ đặc trưng chức năng của thủ pháp so sánh tu từ trong thành ngữ tiếng Việt. Cụ thể, so sánh trong thành ngữ chủ yếu nhằm làm nổi bật thuộc tính, trạng thái hoặc mức độ của sự vật, hiện tượng, do đó các từ ngữ biểu thị đặc trưng (tính từ) hoặc quá trình, trạng thái (động từ) có xu hướng được ưu tiên sử dụng ở vế A.

Mặt khác, danh từ với chức năng định danh sự vật thường không trực tiếp biểu đạt thuộc tính hay trạng thái, nên ít phù hợp để đảm nhiệm vai trò làm yếu tố được so sánh trong cấu trúc này. Thay vào đó, danh từ thường xuất hiện ở vế B – nơi đóng vai trò làm chuẩn so sánh, cung cấp hình ảnh cụ thể, quen thuộc, mang tính biểu trưng cao để làm nổi bật đặc điểm của vế A. Danh từ ở vế B sẽ là những từ chỉ sự vật, con vật gần gũi, quen thuộc trong đời sống tự nhiên và văn hóa người Việt như *hùm, cọp, voi, bò, nhung, tuyết, đất...* hoặc những hình tượng mang yếu tố tâm linh, thần thánh như *tiên, ma, quỷ, phỗng...*

Như vậy, sự vắng mặt của danh từ ở vế A không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà phản ánh xu hướng tổ chức ngôn ngữ mang tính quy luật của thành ngữ 3 tiếng có cấu trúc so sánh, trong đó trọng tâm biểu đạt được đặt vào việc khắc họa đặc trưng hơn là định danh sự vật.

Sự xuất hiện với tần suất cao của mô hình so sánh này phản ánh đặc trưng tư duy hình tượng của người Việt trong quá trình hình thành và sử dụng thành ngữ, đồng thời cho thấy xu hướng khai thác các yếu tố quen thuộc của môi trường tự nhiên và đời sống văn hóa để tăng tính biểu đạt của ngôn ngữ. Điều này cũng góp phần khẳng định vai trò quan trọng của thủ pháp so sánh trong cấu trúc và ý nghĩa của thành ngữ tiếng Việt.

Kết quả khảo sát 93 thành ngữ tiếng Việt cho thấy mô hình cấu tạo theo kiểu so sánh có từ “như” chiếm tỉ lệ cao nhất (47 đơn vị), tương đương 50,53% tổng số thành ngữ được nghiên cứu. Điều này cho thấy so sánh là một trong những thủ pháp cấu tạo phổ biến của thành ngữ tiếng Việt, góp phần tạo nên tính hình tượng, sinh động và giàu sắc thái biểu cảm trong diễn đạt.

4.2.2. Mô hình cụm danh từ

Trong ngữ pháp tiếng Việt, cụm danh từ còn được gọi là danh ngữ hay ngữ danh từ. Dùng để chỉ một nhóm từ trong đó có từ chính là danh từ và các từ phụ bổ sung ý nghĩa cho danh từ.

Thành ngữ có mô hình cụm danh từ được chúng tôi khảo sát có dạng danh từ trung tâm kết hợp với một yếu tố bổ nghĩa đứng sau tạo thành cấu trúc chính – phụ khá rõ ràng. Các yếu tố bổ nghĩa có thể là danh từ chỉ đặc điểm (hạt tiêu, rom, bột) hoặc cụm tính từ (tày liếp, tày đình), hay cụm danh từ (ba chúa). Cụ thể:

Bảng 4.2.2. Thành ngữ có mô hình cụm danh từ

TT	Mô hình cụm danh từ				
1	<i>Bé hạt tiêu</i>	4	<i>Công tử bột</i>	7	<i>Tội tày đình</i>
2	<i>Bé cái nhàm</i>	5	<i>Gương tày liếp</i>	8	<i>Bạn nói khó</i>
3	<i>Anh hùng rom</i>	6	<i>Khách ba chúa</i>		

Mô hình này chiếm 8 đơn vị trong ngữ liệu khảo sát của chúng tôi, tương đương 8,6% tổng số thành ngữ được nghiên cứu. Các thành ngữ thuộc nhóm này thường có cấu trúc tương đối ngắn gọn, mang tính khái quát cao và có chức năng định danh hoặc chỉ người, sự vật trong đời sống xã hội. Chẳng hạn, thành ngữ như: *Anh hùng rom*, *Công tử bột*... được cấu tạo theo kiểu danh từ trung tâm là từ ghép gồm hai tiếng kết hợp với từ đơn phía sau nhằm làm rõ hơn đặc điểm của đối tượng được nói đến, đồng thời hàm ý sắc thái đánh giá mang tính phê phán, mỉa mai, dùng để chỉ những đối tượng bề ngoài có vẻ đáng trọng nhưng thực chất lại yếu kém hoặc không tương xứng với danh xưng.

Ngoài ra, thành ngữ là cụm danh từ còn xuất hiện kiểu cấu trúc mà danh từ trung tâm là từ đơn, yếu tố đứng sau làm thành phần bổ nghĩa là từ ghép. Tuy nhiên, các từ ghép này thường mang tính trừu tượng và khái quát hóa cao, như: *tày liếp*, *tày đình*, *cái nhàm*, *ba chúa*..., không nhằm định danh cụ thể mà chủ yếu biểu thị mức độ, sắc thái hoặc giá trị đánh giá của đối tượng. Chính vì vậy, nghĩa của các thành ngữ thuộc kiểu cấu trúc này không thể suy ra trực tiếp từ nghĩa của các thành tố cấu tạo, mà đòi hỏi phải được giải mã trong mối liên hệ với kinh nghiệm ngôn ngữ và văn hóa của cộng đồng.

Chẳng hạn, yếu tố *tày đình*, *tày liếp* thường được dùng để biểu thị mức độ lớn, vượt ngưỡng thông thường theo lối nói cường điệu hóa; *ba chúa* lại mang sắc thái nhấn mạnh ở mức độ cao nhất, thường đi kèm ý nghĩa đánh giá (tích cực hoặc tiêu cực tùy theo ngữ cảnh); trong khi *cái nhàm* thể hiện sự quy chiếu mang tính khái quát, không chỉ một đối tượng cụ thể mà hướng tới một hiện tượng mang tính điển hình. Như vậy, các yếu tố bổ nghĩa này đã chuyển từ chức năng định danh sang chức năng biểu trưng hóa mức độ và sắc thái, góp phần làm tăng tính hàm ẩn và giảm tính trong suốt ngữ nghĩa của thành ngữ.

So với các mô hình cấu tạo khác, số lượng thành ngữ thuộc kiểu cụm danh từ không nhiều, tuy nhiên chúng lại có khả năng khái quát hóa cao và thường được sử dụng để gọi tên hoặc đánh giá đặc điểm của con người trong các ngữ cảnh giao tiếp xã hội.

4.2.3. *Mô hình cụm động từ*

Cụm động từ còn được gọi là động ngữ hay ngữ động từ, là tổ hợp từ trong đó động từ giữ vai trò trung tâm, các thành tố phụ đứng trước hoặc sau bổ sung ý nghĩa về thời gian, sự tiếp diễn, sai khiến, mức độ, trạng thái, hướng của hành động...

Trong hệ thống thành ngữ tiếng Việt, cụm động từ cũng là một mô hình cấu tạo tương đối phổ biến. Kết quả khảo sát cho thấy có 20 thành ngữ, chiếm 21,5% tổng số đơn vị nghiên cứu, được tổ chức theo kiểu này.

Bảng 4.2.3. Thành ngữ có mô hình cụm động từ

TT	Mô hình cụm động từ				
1	Ăn hoa hồng	8	Bật đèn xanh	15	Nợ đồng lân
2	Chạy thực mạng	9	Chơi với lừa	16	Trần cung mây
3	Đánh trống lảng	10	Mó dái ngựa	17	Trơ mắt ếch
4	Đánh trống láp	11	Hòa cả làng	18	Vãnh râu trê
5	Có máu mặt	12	Lạy cả nón	19	Xếp bút nghiêng
6	Chết nhăn răng	13	Lo sốt vó	20	Vô tội vạ
7	Cười vào mũi	14	Ngậm hột thị		

Trong các thành ngữ thuộc nhóm này, động từ là từ đơn, đóng vai trò trung tâm, đứng đầu thành ngữ, còn các thành tố phụ đi kèm sau có chức năng bổ sung ý nghĩa, làm rõ cách thức hoặc mức độ của hành động. Các thành tố phụ có thể là danh từ, tính từ hoặc phó từ.

Chẳng hạn, các thành ngữ như *Ăn hoa hồng*, *Bật đèn xanh*, *Ngậm hột thị*, *Trơ mắt ếch*... có thành tố phụ là danh từ, tuy nhiên danh từ không chỉ giữ vai trò bổ nghĩa mà còn góp phần tạo lập hình ảnh cụ thể, giàu tính biểu trưng, qua đó làm nổi bật ý nghĩa khái quát của toàn bộ thành ngữ tiếng Việt. Các thành tố phụ là tính từ *Lo sốt vó*, *Nợ đồng lân*... lại nhấn mạnh mức độ của trạng thái hoặc hành động được biểu thị.

Từ các phân tích trên, có thể nhận thấy trong thành ngữ tiếng Việt dạng cụm động từ, các thành tố phụ đảm nhiệm những vai trò khác nhau tùy theo từ loại và mức độ trừu tượng. Với các thành tố phụ là danh từ, chúng không chỉ thực hiện chức năng bổ nghĩa mà còn góp phần tạo lập hình ảnh cụ thể, giàu tính biểu trưng, qua đó làm nổi bật ý nghĩa khái quát của toàn bộ thành ngữ. Trong khi đó, các thành tố phụ là tính từ chủ yếu đảm nhiệm vai trò tăng cường mức độ và sắc thái biểu cảm của trạng thái hoặc hành động, góp phần nhấn mạnh giá trị biểu đạt. Đáng chú ý, kiểu cấu trúc như *Đánh trống lảng*, *Đánh trống láp* thì các yếu tố mang tính hình tượng *trống lảng*, *trống láp* không còn giữ tư cách của những đơn vị từ vựng độc lập, mà đã bị cố định hóa về mặt cấu trúc và biểu trưng hóa về mặt ngữ nghĩa, tham gia trực tiếp vào việc hình thành nghĩa chỉnh thể của thành ngữ.

Như vậy, mặc dù cùng tham gia vào cấu trúc thành ngữ, các kiểu thành tố phụ này thể hiện những cơ chế biểu đạt khác nhau, từ cụ thể hóa hình ảnh (danh từ), tăng sắc thái biểu cảm (tính từ) đến biểu trưng hóa hoàn toàn (yếu tố hình tượng), qua đó cho thấy tính đa dạng và linh hoạt trong tổ chức ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt.

4.2.4. Mô hình cụm tính từ

Cụm tính từ (còn gọi là tính ngữ hay ngữ tính từ) là tổ hợp từ trong đó tính từ giữ vai trò trung tâm, các thành tố đi kèm có chức năng bổ sung hoặc nhấn mạnh mức độ, đặc điểm hay trạng thái của sự vật, hiện tượng.

Dựa trên ngữ liệu khảo sát, các thành ngữ thuộc mô hình cụm tính từ được tổng hợp như trong Bảng 4.2.4 dưới đây, qua đó cho thấy những kiểu kết hợp điển hình giữa tính từ trung tâm và các thành tố phụ trong thành ngữ tiếng Việt.

Bảng 4.2.4. Thành ngữ có mô hình cụm tính từ

TT	Mô hình cụm tính từ				
1	<i>Gàn bát sách</i>	4	<i>Tuyệt cú mèo</i>	7	<i>Lười chày thây</i>
2	<i>Gầy xác ve</i>	5	<i>Yếu bóng vía</i>	8	<i>Sạch nước cần</i>
3	<i>Hăng tiết vịt</i>	6	<i>Oan Thị Kính</i>		

Từ bảng trên có thể nhận thấy, mô hình cụm tính từ trong thành ngữ tiếng Việt thể hiện sự đa dạng trong cách tổ chức thành tố phụ. Trước hết, khi tính từ kết hợp với các danh từ mang tính hình tượng như *xác ve*, *tiết vịt*, *bóng vía*... đã tạo ra các đơn vị thành ngữ giàu hình ảnh, gần gũi với sinh hoạt của người dân, qua đó cụ thể hóa và cường điệu hóa đặc tính được biểu đạt (*gầy xác ve*, *hăng tiết vịt*, *yếu bóng vía*).

Bên cạnh đó, các danh từ mang tính biểu trưng văn hóa hoặc đã được điển hình hóa như *Thị Kính* gọi lên sự liên tưởng về nỗi oan khuất của người phụ nữ trong văn hóa dân gian người Việt; hay *bát sách* – một quân bài trong cỗ tổ tôm, vẽ người con gái ngồi vắt vẻo, dáng vẻ nghênh ngang, gàn dở, gắn với cách nói dân gian mang sắc thái đánh giá tiêu cực về tính cách con người, làm tăng chiều sâu ý nghĩa và sắc thái biểu cảm của thành ngữ.

Ngoài ra, một số thành tố phụ mang tính chất khuếch đại mức độ như *chày thây* hoặc biểu thị mức độ đánh giá mang tính khái quát như *nước cần*, không nhằm định danh cụ thể mà chủ yếu làm nổi bật quan điểm, nhận định, đánh giá của người nói với đối tượng được nói đến.

Từ phân tích trên có thể thấy, mặc dù cùng thuộc mô hình cụm tính từ, nhưng sự đa dạng trong cách tổ chức thành tố phụ đã góp phần tăng cường tính hình tượng, tính biểu cảm và khả năng khái quát của thành ngữ tiếng Việt. Trong ngữ liệu khảo sát, mô hình này xuất hiện với 8/93 đơn vị (chiếm khoảng 8,6%), cho thấy đây không phải là kiểu cấu trúc phổ biến, song vẫn có giá trị biểu đạt đáng chú ý trong hệ thống thành ngữ.

4.2.5. Mô hình tương ứng cụm C – V (chủ – vị)

Một số thành ngữ tiếng Việt có cấu trúc hình thức tương ứng với cụm chủ – vị, trong đó thành tố đầu thường là danh từ giữ vai trò tương đương chủ ngữ, thành tố sau biểu thị hành động hoặc trạng thái tương ứng với vị ngữ. Tuy nhiên, khác với cụm C-V tự do, các đơn vị này đã được cố định hoá về cấu trúc và ngữ nghĩa, tạo thành tổ hợp mang tính chỉnh thể, không thể phân tích nghĩa theo lối cộng gộp cơ học giữa các thành tố.

Trong ngữ liệu khảo sát, mô hình này xuất hiện với 11 đơn vị, chiếm 11,82% tổng số thành ngữ được nghiên cứu. Các đơn vị cụ thể được trình bày trong Bảng 4.2.5 dưới đây:

Bảng 4.2.5. Thành ngữ có mô hình tương ứng cụm C - V

TT	Mô hình tương ứng cụm C – V				
1	<i>Bụng bảo dạ</i>	5	<i>Kiến bò bụng</i>	9	<i>Cóc mở miệng</i>
2	<i>Cá cắn câu</i>	6	<i>Ma ăn cỗ</i>	10	<i>Cơm chám cơm</i>
3	<i>Da bọc xương</i>	7	<i>Mèo vờn chuột</i>	11	<i>Vịt nghe sấm</i>

4	<i>Guom kê cổ</i>	8	<i>Mèo giấu cút</i>		
---	-------------------	---	---------------------	--	--

Từ bảng trên có thể nhận thấy, về mặt cấu trúc, các thành ngữ này thường được hình thành từ hai thành tố có quan hệ ngữ pháp tương tự như quan hệ giữa chủ ngữ và vị ngữ trong câu đơn giản (*Bụng bảo dạ, Cá cắn câu, Da bọc xương, Guom kê cổ hay Mèo vờn chuột...*). Chính đặc điểm này giúp thành ngữ có thể diễn đạt một tình huống hoặc trạng thái cụ thể một cách cô đọng và súc tích. Mặc dù số lượng không nhiều so với các mô hình khác, nhưng các thành ngữ thuộc kiểu cấu trúc chủ – vị thường có tính hình tượng cao và khả năng biểu đạt ngữ nghĩa chặt chẽ như một câu bình thường.

Qua việc phân tích và phân loại 93 thành ngữ tiếng Việt theo đặc điểm cấu tạo, có thể nhận thấy hệ thống thành ngữ 3 tiếng trong tiếng Việt khá đa dạng về mô hình cấu trúc. Kết quả thống kê cho thấy mô hình so sánh có từ “như” chiếm tỉ lệ cao nhất, phản ánh xu hướng sử dụng phép so sánh nhằm tăng tính hình tượng và biểu cảm trong diễn đạt. Bên cạnh đó, các mô hình cụm động từ, cụm tính từ, cụm danh từ và cấu trúc tương đồng với cụm chủ – vị cũng xuất hiện với những mức độ khác nhau, góp phần tạo nên sự phong phú trong cấu trúc của thành ngữ tiếng Việt. Sự đa dạng này không chỉ thể hiện đặc trưng cấu tạo của thành ngữ mà còn phản ánh cách thức người Việt sử dụng hình ảnh và kinh nghiệm đời sống để biểu đạt ý nghĩa một cách cô đọng, sinh động và giàu sắc thái.

5. Thảo luận

Kết quả khảo sát 93 thành ngữ tiếng Việt 3 tiếng cho thấy cấu trúc hình thức của nhóm đơn vị này tuy ngắn gọn nhưng lại có mức độ tổ chức đa dạng và mang tính quy luật. Trước hết, sự chiếm ưu thế của mô hình so sánh có từ “như” phản ánh rõ đặc trưng tư duy hình tượng của người Việt, trong đó việc quy chiếu các đặc điểm trừu tượng sang những hình ảnh cụ thể, quen thuộc đóng vai trò quan trọng trong quá trình tạo nghĩa. Điều này phù hợp với nhận định chung của nhiều công trình trước đây về xu hướng biểu trưng hóa trong ngôn ngữ dân gian.

Bên cạnh đó, các mô hình cụm động từ, cụm danh từ và cụm tính từ tuy có tần suất thấp hơn nhưng lại thể hiện những cơ chế tổ chức ngữ nghĩa khác nhau. Nếu cụm danh từ thiên về chức năng định danh và đánh giá, thì cụm động từ lại nhấn mạnh quá trình, trạng thái và cách thức hành động; trong khi đó, cụm tính từ chủ yếu tập trung vào việc biểu thị đặc điểm và mức độ. Đáng chú ý, trong cả ba mô hình này, vai trò của các thành tố phụ không chỉ dừng lại ở chức năng bổ nghĩa mà còn tham gia tích cực vào quá trình biểu trưng hóa, góp phần làm giảm tính trong suốt ngữ nghĩa và tăng cường tính hàm ẩn của thành ngữ.

Một điểm đáng lưu ý khác là sự tồn tại của các yếu tố mang tính hình tượng cao nhưng không còn giữ tư cách của những đơn vị từ vựng độc lập (như *trống làng, trống lách, chảy thây, nước cản...*). Hiện tượng này cho thấy xu hướng “cố định hóa” về mặt cấu trúc đi kèm với “chuyên biệt hóa” về mặt ngữ nghĩa trong quá trình hình thành thành ngữ. Đây cũng là một đặc trưng quan trọng giúp phân biệt thành ngữ với các tổ hợp từ tự do trong tiếng Việt.

Tuy nhiên, nghiên cứu này vẫn còn một số hạn chế nhất định. Trước hết, phạm vi ngữ liệu mới dừng lại ở một nguồn tư liệu cụ thể, chưa bao quát hết hệ thống thành ngữ trong thực tiễn sử dụng. Bên cạnh đó, việc phân loại chủ yếu dựa trên tiêu chí hình thức (số lượng tiếng và mô hình cấu trúc), chưa đi sâu phân tích các cơ chế ngữ nghĩa như ẩn dụ, hoán dụ hay tri nhận văn hóa. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo hướng kết hợp giữa phân tích cấu trúc và các lý thuyết ngữ nghĩa học hiện đại để làm rõ hơn bản chất của thành ngữ tiếng Việt.

6. Kết luận

Bài viết đã tiếp cận thành ngữ tiếng Việt từ bình diện cấu trúc hình thức, lấy tiêu chí số lượng tiếng làm cơ sở nhận diện và phân loại, qua đó tập trung khảo sát nhóm thành ngữ 3 tiếng như một tiểu hệ thống có tính độc lập tương đối trong toàn bộ hệ thống thành ngữ tiếng Việt. Trên cơ sở đó, tác giả bài viết đã mô tả đặc điểm cấu tạo của các thành ngữ 3 tiếng, đồng thời bước đầu làm rõ mối quan hệ giữa cấu trúc hình thức và cơ chế hình thành ý nghĩa của loại đơn vị này.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù có dung lượng ngắn gọn, thành ngữ 3 tiếng lại được tổ chức theo những mô hình cấu trúc đa dạng, có tính quy luật. Các thành tố trong thành ngữ không chỉ giữ vai trò cấu tạo về mặt hình thức mà còn tham gia trực tiếp vào quá trình biểu trưng hóa, qua đó góp phần kiến tạo nghĩa chỉnh thể mang tính hàm ẩn và giàu sắc thái biểu cảm. Sự khác biệt giữa các mô hình cấu trúc cũng phản ánh những cơ chế tổ chức ngữ nghĩa khác nhau, từ định danh, miêu tả đến biểu đạt trạng thái, mức độ và đánh giá.

Bên cạnh những kết quả đạt được, bài viết cũng mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo cho tác giả trong việc mở rộng phạm vi ngữ liệu nhằm có cái nhìn toàn diện hơn về hệ thống thành ngữ tiếng Việt, đặc biệt trong ngữ cảnh sử dụng thực tế. Đồng thời, việc kết hợp cách tiếp cận cấu trúc với các lý thuyết ngữ nghĩa học hiện đại như ẩn dụ, hoán dụ hay ngữ nghĩa văn hóa sẽ góp phần làm rõ hơn cơ chế tạo nghĩa và giá trị biểu đạt của thành ngữ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu không chỉ dừng lại ở việc nhận diện đặc trưng cấu trúc, mà còn hướng tới việc giải thích bản chất ngữ nghĩa – văn hóa của thành ngữ như một hiện tượng ngôn ngữ mang đậm dấu ấn tư duy dân tộc.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu nước ngoài

- [1]. Ammer, C. (1997), *The American Heritage Dictionary of Idioms*, New York: Houghton Mifflin Company.
- [2]. Longman Idioms Dictionary (1998), London: Longman Pub Group.
- [3]. Maclin, A. (2001), Reference Guide to English-A handbook of English as a second language, The office of English Language Programs United States Department of States, Washington, DC.
- [4]. Oxford Learner's Pocket Dictionary.

Tài liệu tiếng Việt

- [5]. Nguyễn Tài Cẩn (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6]. Mai Ngọc Chừ chủ biên (1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
- [7]. Đặng Hồng Chương (2007), *Từ điển Thành ngữ, tục ngữ Việt Nam* (Sưu tầm, tuyển chọn, chú giải), Nxb Văn hóa - Thông tin.
- [8]. Hữu Đạt (1999), *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [9]. Nguyễn Lâm (2010), *Từ điển Thành ngữ và Tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [10]. Hoàng Phê chủ biên (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- [11]. Viện Ngôn ngữ học (1993), *Từ điển Anh - Việt (English - Vietnamese Dictionary)*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
- [12]. https://nguvan.hnue.edu.vn/Nghi%C3%AAAn-c%E1%BB%A9u/Ng%C3%B4n-ng%E1%BB%AF/p/nhan-dien-thanh-ngu-tuc-ngu-trong-hanh-chuc-755?utm_source=chatgpt.com
- [13]. https://loigiaihay.com/phan-loai-cau-tao-thanh-ngu-a121516.html?utm_source=chatgpt.com

NHẬN DIỆN CẤU TẠO THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT CÓ KẾT CẤU 3 TIẾNG

Hoàng Thị Thanh Bình

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: hoangthanhbinh@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/03/2026

Ngày phản biện: 12/03/2026

Ngày tác giả sửa: 17/03/2026

Ngày duyệt đăng: 08/04/2026

Ngày phát hành: 15/04/2026

Bài viết khảo sát thành ngữ tiếng Việt có kết cấu 3 tiếng từ góc độ cấu trúc hình thức nhằm nhận diện đặc điểm tổ chức và cơ chế hình thành ý nghĩa của loại đơn vị này. Kết quả cho thấy thành ngữ 3 tiếng tuy có dung lượng ngắn nhưng được tổ chức theo những quy tắc nhất định, trong đó các thành tố không chỉ giữ vai trò cấu tạo mà còn tham gia trực tiếp vào quá trình biểu trưng hóa, phản ánh tư duy, văn hóa, kinh nghiệm sản xuất, sinh hoạt cộng đồng của người Việt. Nghĩa của thành ngữ vì vậy không thể quy giản về phép cộng cơ học giữa các yếu tố cấu thành, mà được kiến tạo trên cơ sở tương tác giữa hình thức ngôn ngữ và chiều sâu văn hóa. Qua đó, bài viết góp phần làm sáng tỏ đặc trưng cấu trúc của thành ngữ tiếng Việt trong một hướng tiếp cận có tính hệ thống.

Từ khóa: Thành ngữ tiếng Việt; Thành ngữ 3 tiếng; Mô hình cấu trúc thành ngữ.